

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 6 - 2026

Về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Hồng Lam

2/ Ông Lê Huỳnh Sinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Từ Công Từ Rượu – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Khánh Hòa, tỉnh Khánh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2025/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc: “ *Tranh chấp ly hôn* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51A/2026/QĐXXST - HNGĐ, ngày 29 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Văn N, sinh năm 1969

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1973.

Cùng trú tại: Tổ dân phố 42, phường Phan Rang, tỉnh Khánh H.

(*Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đặng Văn N trình bày:**

- *Về hôn nhân:* Ông Đặng Văn N và bà Lê Thị T chung sống với nhau từ năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường Đạo Long, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh N(*Nay là phường Phan Rang, tỉnh Khánh H*), theo giấy chứng nhận kết hôn số: 06, quyển 01/2003 ngày 14/02/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng sống

tại phường Đạo Long, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh N(*Nay là phường Phan Rang, tỉnh Khánh H*). Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình, quan điểm sống không hợp nhau, xảy ra cãi vã, xích mích nhau, bà Lê Thị T nhiều lần chửi mắng, xúc phạm ông Đặng Văn N.

Hiện vợ chồng đã sống ly thân hơn 04 năm. Trong thời gian không còn sống chung, vợ chồng không còn quan tâm nhau nữa, mạnh ai nấy sống, không ai đặt vấn đề trở về chung sống đoàn tụ. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau và đã sống ly thân. Nay ông Đặng Văn N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị T.

- *Về con chung*: Ông Đặng Văn N và bà Lê Thị T có 01 người con chung tên: Đặng Lê Thy Na, sinh năm 2003 (*con chung đã trên 18 tuổi, lao động tự túc được*) nên ông Đặng Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông Đặng Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai ngày 13/01/2026 bị đơn bà Lê Thị T trình bày:**

- *Về hôn nhân*: Bà Lê Thị T và ông Đặng Văn N chung sống với nhau năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường Đạo Long, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh NThuận (*Nay là phường Phan Rang, tỉnh Khánh H*), theo giấy chứng nhận kết hôn số: 06, quyền 01/2003 ngày 14/02/2003.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại phường Đạo Long, thành phố Phan Rang -Tháp Chàm, tỉnh N(*Nay là phường Phan Rang, tỉnh Khánh H*). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình, quan điểm sống không hợp nhau, xảy ra cãi vã, xích mích nhau, không quan tâm nhau nữa.

Hiện vợ chồng đã sống ly thân hơn 5 năm, trong thời gian không còn sống chung thì vợ chồng không quan tâm nhau nữa, mạnh ai nấy sống, không ai đặt vấn đề trở về chung sống đoàn tụ. Thực tế, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau. Nay, ông Đặng Văn N yêu cầu ly hôn thì bà Lê Thị T cũng đồng ý nhưng bà Lê Thị T không đến tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án.

- Về con chung: Bà Lê Thị T và ông Đặng Văn N có 01 người con chung tên: Đặng Lê Thy Na, sinh năm 2003 (*con chung đã trên 18 tuổi, lao động tự túc được*) nên bà Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Khánh Hòa phát biểu ý kiến:**

+ Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp, tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Đặng Văn N được ly hôn bà Lê Thị T.

+ Về con chung: Con chung của Bà Lê Thị T và ông Đặng Văn N đã trên 18 tuổi, lao động tự túc được nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Ông Đặng Văn N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Đặng Văn N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là bà Lê Thị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Lê Thị T trú tại tổ dân phố 42, phường Phan Rang, tỉnh Khánh H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố

tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

[1.2]. Đối với việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn ông Đặng Văn N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Lê Thị T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Văn N và bà Lê Thị T chung sống với nhau năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại phường Đạo Long, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh N (*Nay là phường Phan Rang, tỉnh Khánh H*), theo giấy chứng nhận kết hôn số: 06, quyển 01/2003 ngày 14/02/2003. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Xét về tình trạng hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đặng Văn N và bị đơn bà Lê Thị T đều thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân nhiều năm (*Bà Lê Thị T khai vợ chồng sống ly thân khoảng 5 năm; ông Đặng Văn N khai vợ chồng sống ly thân khoảng 4 năm*). Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành hòa giải để vợ chồng trở về chung sống đoàn tụ, nhưng ông Đặng Văn N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bà Lê Thị T trong bản tự khai đề ngày 13/01/2026 trình bày ý kiến đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn N nhưng bà Thúy không đến tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án. Điều đó thể hiện rõ mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Đặng Văn Nam và bà Lê Thị T là có thật.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Đặng Văn N và bà Lê Thị T đã thật sự gay gắt làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ông Đặng Văn N yêu cầu xin được ly hôn với bà Lê Thị T là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Ông Đặng Văn N và bà Lê Thị T có 01 người con chung tên: Đặng Lê Thy N, sinh năm 2003. Hiện nay, con chung đã trên 18

tuổi và có đủ khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đặng Văn N và bà Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập tới.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông Đặng Văn N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 01/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 16/5/2024 hướng dẫn một số quy định về áp dụng pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn N.

1. Về hôn nhân: Ông Đặng Văn N được ly hôn với bà Lê Thị T.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Đặng Văn N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền

tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002810, ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh H. Ông Đặng Văn N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn Ông Đặng Văn N và bị đơn bà Lê Thị T, quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 5 -K;
- THADS tỉnh KH;
- TAND tỉnh K;
- UBND phường Phan Rang, tỉnh K
(GCNKH số: 06, quyển 01/2003
Ngày 14/02/2003);
- Lưu hồ sơ + án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Hồng